

Số : 1619/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường
Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn**

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 ngày của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng công trình HTKT khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, thị xã Bỉm Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng và đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, thị xã Bỉm Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt thay đổi chủ đầu tư thực hiện dự án;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010, số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010, số 893/QĐ-UBND ngày 29/6/2010, số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010, số 1593/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 1901/QĐ-UBND ngày 29/10/2010, số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011, số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011, số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011, số 1442/QĐ-UBND ngày 16/6/2011, số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011, số 2387/QĐ-UBND ngày 18/10/2011, số 509/QĐ-UBND ngày 12/3/2013, số 510/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 số 710/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, số 3004/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, số 3003/QĐ-UBND ngày

01/11/2013, số 3064/QĐ-UBND ngày 12/11/2013, số 3445/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 3446/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 853/QĐ-UBND ngày 31/3/2014, số 1202/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, số 1899/QĐ-UBND ngày 04/8/2014, số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014, số 2525/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2526/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2630/QĐ-UBND ngày 06/11/2014, số 2691/QĐ-UBND ngày 17/11/2014, số 2760/QĐ-UBND ngày 21/7/2015, số 3212/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 về việc phê duyệt phương án, điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: ĐTXD HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Xets đề nghị của Hội đồng bồi thường GPMB tại Tờ trình số 12/TTr-HĐGPMB ngày 17 tháng 4 năm 2019 (kèm theo hồ sơ); của phòng Tài chính-Kế hoạch tại Báo cáo số: 12/BCTĐ-TCKH ngày 15/5/2019 về việc báo cáo thẩm định quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn.
- Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn.
- Địa điểm xây dựng: Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Thời gian khởi công thực tế: 2010.
- T/gian hoàn thành thực tế: 2015.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số	12.727.030.431	12.712.124.774	14.905.657
Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng)	12.727.030.431	12.712.124.774	14.905.657

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán duyệt	Chi phí được quyết toán
Tổng số	13.230.400.462	12.727.030.431
Chi phí GPMB	13.230.400.462	12.727.030.431

Chi phí xây lắp		
Chi phí QLDA		
Chi phí TVĐTXD		
Chi phí khác		
Dự phòng		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình: không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			12.727.030.431	
1. Tài sản cố định			12.727.030.431	
2. Tài sản lưu động				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Được phép tất toán nguồn chi phí công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đ)	Ghi chú
Tổng số	12.727.030.431	
Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng)	12.727.030.431	

Tổng các khoản nợ tính đến ngày 17/4/2019 là: 14.905.657 đồng

* Các khoản phải trả: 32.405.657 đồng

* Các khoản phải thu: 17.500.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Đơn vị: đồng

Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Tổng số	12.727.030.431	0
Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng	12.727.030.431	0

3. Trách nhiệm của đơn vị, cơ quan có liên quan: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Hạch toán theo các chế độ quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND thị xã, trưởng các phòng QLĐT, Tài chính-Kế hoạch, Chủ tịch Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Phan Huy Hùng

Số: 12/BCTĐ-TCKH

Bỉm Sơn, ngày 15 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường
Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm sơn

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ hồ sơ báo cáo quyết toán kèm theo Tờ trình số 12/TTr-HĐGPMB ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng bồi thường GPMB về việc phê duyệt quyết toán Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Sau khi thực hiện thẩm tra theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN:

Tiểu dự án: Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn;

Nguồn vốn: Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng).

Địa điểm xây dựng: Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian thực hiện dự án:

- Thời gian thực hiện: KC 2010, HT 2015.

- Thời gian thực tế thực hiện: KC 2010, HT 2015.

II. HỒ SƠ PHÁP LÝ:

1. Dự án đầu tư:

- Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 ngày của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng công trình HTKT khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, thị xã Bỉm Sơn;

- Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng và đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, thị xã Bỉm Sơn;

- Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt thay đổi chủ đầu tư thực hiện dự án;

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010, số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010, số 893/QĐ-UBND ngày 29/6/2010, số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010, số 1593/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 1901/QĐ-UBND ngày 29/10/2010, số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011, số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011, số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011, số 1442/QĐ-UBND ngày 16/6/2011, số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011, số 2387/QĐ-UBND ngày 18/10/2011, số 509/QĐ-UBND ngày 12/3/2013, số 510/QĐ-UBND ngày 12/3/2013, số 710/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, số 3004/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, số 3003/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, số 3064/QĐ-UBND ngày 12/11/2013, số 3445/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 3446/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 853/QĐ-UBND ngày 31/3/2014, số 1202/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, số 1899/QĐ-UBND ngày 04/8/2014, số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014, số 2525/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2526/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2630/QĐ-UBND ngày 06/11/2014, số 2691/QĐ-UBND ngày 17/11/2014, số 2760/QĐ-UBND ngày 21/7/2015, số 3212/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 về việc phê duyệt phương án, điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: ĐTXD HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Tổng mức đầu tư được duyệt:

13.230.400.462 đồng.

2. Dự toán được duyệt:

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010, số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010, số 893/QĐ-UBND ngày 29/6/2010, số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010, số 1593/QĐ-UBND ngày 14/10/2010, số 1901/QĐ-UBND ngày 29/10/2010, số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011, số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011, số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011, số 1442/QĐ-UBND ngày 16/6/2011, số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011, số 2387/QĐ-UBND ngày 18/10/2011, số 509/QĐ-UBND ngày 12/3/2013, số 510/QĐ-UBND ngày 12/3/2013, số 710/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, số 3004/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, số 3003/QĐ-UBND ngày 01/11/2013, số 3064/QĐ-UBND ngày 12/11/2013, số 3445/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 3446/QĐ-UBND ngày 23/12/2013, số 853/QĐ-UBND ngày 31/3/2014, số 1202/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, số 1899/QĐ-UBND ngày 04/8/2014, số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014, số 2525/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2526/QĐ-UBND ngày 22/10/2014, số 2630/QĐ-UBND ngày 06/11/2014, số 2691/QĐ-UBND ngày 17/11/2014, số 2760/QĐ-UBND ngày 21/7/2015, số 3212/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 về việc phê duyệt phương án,

điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: ĐTXD HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Tổng dự toán được duyệt:

13.230.400.462 đồng.

Trong đó:

- Chi phí GPMB :	13.230.400.462,0 đồng
- Chi phí xây dựng :	0,0 đồng
- Chi phí thiết bị :	0,0 đồng
- Chi phí QLDA :	0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	0,0 đồng
- Chi phí khác :	0,0 đồng
- Chi phí dự phòng:	0,0 đồng

3. Các văn bản pháp lý có liên quan khác: Kết luận thanh tra số 109/KL-TTTH ngày 23/01/2019 của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa về việc thanh tra một số dự án phát triển đô thị, khu dân cư trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

III. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Nguồn vốn đầu tư theo dự án phê duyệt:

Tổng số Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng): **13.230.400.462 đồng;**

2. Kế hoạch vốn đã giao:

Tổng số Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng): **12.712.124.774 đồng;**

3. Nguồn vốn đầu tư thực hiện:

Tổng số Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng): **12.712.124.774 đồng;**

IV. CHI PHÍ ĐẦU TƯ:

1. Số liệu Chủ đầu tư đề nghị quyết toán:

Tổng số:

12.826.740.431 đồng.

Trong đó:

- Chi phí GPMB :	12.744.880.431,0 đồng
- Chi phí xây dựng :	0,0 đồng
- Chi phí thiết bị :	0,0 đồng
- Chi phí QLDA :	0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	0,0 đồng
- Chi phí khác :	81.860.000,0 đồng
- Chi phí dự phòng:	0,0 đồng

2. Số liệu thẩm tra:

Tổng số:

12.727.030.431 đồng.

Trong đó:

- Chi phí GPMB :	12.727.030.431,0 đồng
------------------	-----------------------

- Chi phí xây dựng : 0,0 đồng
- Chi phí thiết bị : 0,0 đồng
- Chi phí QLDA : 0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 0,0 đồng
- Chi phí khác : 0,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

*** Phân theo nguồn vốn: 12.727.030.431 đồng**

- Kinh phí của nhà đầu tư trúng đấu giá (Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng): **12.727.030.431 đồng;**

3. Chênh lệch tăng (+), giảm (-) qua thẩm tra:

Tổng số: -99.710.000,0 đồng.

- Chi phí GPMB : -17.850.000,0 đồng
- Chi phí xây lắp : 0,0 đồng
- Chi phí QLDA : 0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 0,0 đồng
- Chi phí khác : -81.860.000,0 đồng

(Chi tiết có phụ lục số liệu kèm theo)

V. CHI PHÍ ĐẦU TƯ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ TÀI SẢN: 0 đồng

VI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN BÀN GIAO CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG:

1. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: 12.727.030.431,0 đồng

- Tài sản cố định: 12.727.030.431,0 đồng
- Tài sản lưu động: 0,0 đồng

2. Giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng:

Danh mục	Giá trị	Đơn vị QLSD
Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	12.727.030.431 đồng	Liên danh Công ty LICOGI 15 và Công ty Xây lắp vận tải Phục Hưng
Tổng cộng	12.727.030.431 đồng	

VII. CÁC TỒN DỌNG YÊU CẦU GIẢI QUYẾT SAU KHI QUYẾT TOÁN:

1. Nguồn vốn đầu tư còn thiếu, yêu cầu cấp phát thanh toán tiếp:

Tổng số: 14.905.657 đồng

2. Công nợ:

- Các khoản phải trả: 32.405.657 đồng

- Các khoản phải thu: 17.500.000 đồng

(Chi tiết có phụ lục công nợ kèm theo)

3. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

VIII. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ:

1. Hồ sơ báo cáo quyết toán lập đảm bảo các yêu cầu phục vụ công tác thẩm tra.
2. Hồ sơ pháp lý cơ bản chấp hành đúng các quy định, trình tự thủ tục quản lý đầu tư và các quy định hiện hành trong quá trình thực hiện dự án.
3. Công tác quản lý chi phí đầu tư tuân thủ các định mức, đơn giá hiện hành và dự toán được phê duyệt.
4. Thời gian, tiến độ hoàn thành công trình đảm bảo so yêu cầu.

Đề nghị UBND thị xã xem xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với những nội dung và số liệu đã báo cáo ở trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TCKH.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn

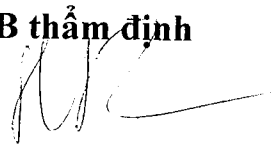
(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm tra ngày tháng 5 năm 2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Bim Sơn)

Đơn vị: đồng

Số	Hạng mục công trình	Dự toán duyệt	Giá trị QT của chủ đầu tư	Giá trị thẩm tra quyết toán	Số thẩm tra so với Báo cáo A-B		
					Tổng số	Do khối lượng	Do giá và khác
	TỔNG SỐ	13.230.400.462	12.826.740.431	12.727.030.431	-99.710.000	0	-99.710.000
I	Chi phí GPMB	13.230.400.462	12.744.880.431	12.727.030.431	-17.850.000	0	-17.850.000
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC	12.970.980.845	12.494.980.815	12.477.480.815	-17.500.000		-17.500.000
2	Chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, TĐC	259.419.617	249.899.616	249.549.616	-350.000		-350.000
II	Chi phí xây dựng						
III	Chi phí quản lý dự án						
IV	Chi phí tư vấn xây dựng						
IV	Chi khác	0	81.860.000	0	-81.860.000	0	-81.860.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		81.860.000	0	-81.860.000		-81.860.000
VI	Chi phí dự phòng						

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CB thẩm định



Lại Thế Chinh

Trưởng phòng



Tổng Văn Thọ

BẢNG CHÊNH LỆCH QUYẾT TOÁN CHI PHÍ GPMB

Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng H/TKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba

Chủ đầu tư: UBND thị xã Bim Sơn

(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm tra ngày 5 tháng 5 năm 2019 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Bim Sơn)

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
TỔNG CỘNG			12.970.980.845	12.494.980.815	12.477.480.815	-17.500.000	
1	Phạm Thị Xô	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	553.724	553.724	553.724	0	
2	Trần Thị Cẩn	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	1.798.408	1.798.408	1.798.408	0	
3	Tạ Thị Ứng	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	3.919.727	3.919.727	3.919.727	0	
4	Chu Văn Thắng Lê Thị Bình	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	792.544	792.544	792.544	0	
5	Hoàng Thị Phòng	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	18.979.940	18.979.940	18.979.940	0	
6	Nguyễn Thị Tâm	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	34.463.274	34.463.274	34.463.274	0	
7	Lê Xuân Hai Lê Thị Chi	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	6.282.204	6.282.204	6.282.204	0	
8	Trịnh Thị Yến	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	1.177.638	1.177.638	1.177.638	0	
9	Nguyễn Thị Luận	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	6.451.884	6.451.884	6.451.884	0	
10	Nguyễn Thị Sâm	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	10.971.226	10.971.226	10.971.226	0	
11	Nguyễn Ngọc Luận Phạm Thị Hạnh	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	2.028.424	2.028.424	2.028.424	0	
12	Mai Đình Trường Mai Thị Anh	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	4.880.582	4.880.582	4.880.582	0	
13	Phạm Thị Bình	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	4.800.889	4.800.889	4.800.889	0	
14	Phạm Minh Tụng Mai Thị Chào	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	3.470.065	3.470.065	3.470.065	0	
15	Trần Thị Quyển	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	32.467.981	32.467.981	32.467.981	0	

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
16	Ngô Minh Thư Ngô Thị Cải	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	170.299.122	170.299.122	170.299.122	0	
17	Dương Thị Lý	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	22.634.340	22.634.340	22.634.340	0	
18	Mai Thị Toán	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	20.053.769	20.053.769	20.053.769	0	
19	Thiều Thị Chung	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	2.954.812	2.954.812	2.954.812	0	
20	Trần Xuân Khôi	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	24.572.364	24.572.364	24.572.364	0	
21	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Lương	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	93.416.576	93.416.576	93.416.576	0	
22	Nguyễn Thị Tơ	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	21.242.340	21.242.340	21.242.340	0	
23	Trịnh Xuân Cứ	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	41.699.840	41.699.840	41.699.840	0	
24	Trần Đình Giới Hoàng Thị Thiết	Số 543/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	13.662.600	13.662.600	13.662.600	0	
25	Phạm Thị Xô	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	270.000	270.000	270.000	0	
26	Hoàng Thị Phòng	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	871.650	871.650	871.650	0	
27	Trịnh Thị Yên	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	377.994	377.994	377.994	0	
28	Trần Đức Hậu Nguyễn Thị Diệu	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	3.900.827	3.900.800	3.900.800	0	
29	Bùi Đức Thanh Hoàng Thị Thư	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	7.112.703	7.112.700	7.112.700	0	
30	Lê Thị Hoa	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	47.239.239	47.239.239	47.239.239	0	
31	Mai Đình Trương Mai Thị Anh	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	282.900	282.900	282.900	0	

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
32	Trần Thị Quyến	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	2.877.600	2.877.600	2.877.600	0	
33	Nguyễn Thị Tô	Số 745/QĐ-UBND ngày 27/5/2010	1.200.360	1.200.360	1.200.360	0	
34	Phạm Tiên Dũng Nguyễn Thị Lương	Số 893/QĐ-UBND ngày 29/6/2010	14.298.842	14.298.842	14.298.842	0	
35	Phan Thành Nam Nguyễn Thị Thủy	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	167.750.348	167.750.348	167.750.348	0	
36	Nguyễn Trung Dũng Mai Thị Phương Chi	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	201.214.151	92.014.151	92.014.151	0	
37	Trần Đức Hậu Nguyễn Thị Diệu	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	9.304.972	9.304.972	9.304.972	0	
38	Nguyễn Thị Tô	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	56.881.484	56.881.484	56.881.484	0	
39	Bùi Đức Thanh Hoàng Thị Thư	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	170.677.149	170.677.149	170.677.149	0	
40	Trần Xuân Hải Cao Thị Yên	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	23.209.851	23.209.851	23.209.851	0	
41	Nguyễn Văn Nghi Nguyễn Thị Quỳnh	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	128.350.663	128.350.663	128.350.663	0	
42	La Quang Trung	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	81.537.994	81.537.994	81.537.994	0	
43	Lê Thị Khương	Số 1593/QĐ-UBND ngày 14/10/2010	105.971.150	105.971.150	105.971.150	0	
44	Nguyễn Văn Năm Trịnh Thị Lệ	Số 1593/QĐ-UBND ngày 14/10/2010	176.963.235	176.963.235	176.963.235	0	
45	Đặng Thị Bích	Số 1901/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	25.210.325	25.210.325	25.210.325	0	
46	Lê Hậu Đường	Số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011	8.530.542	8.530.542	8.530.542	0	

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
47	Phạm Văn Soạn	Số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011	58.304.902	58.304.902	58.304.902	0	
48	Lê Văn Đê	Số 830/QĐ-UBND ngày 24/3/2011	19.872.405	19.872.405	19.872.405	0	
49	Nguyễn Thanh Sơn Hoàng Thị Oanh	Số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011	24.924.966	24.924.966	24.924.966	0	
50	Vũ Thị Hoài Yên	Số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011	59.491.222	59.491.222	59.491.222	0	
51	Nguyễn Văn Lộc Nguyễn Thị Thủy	Số 1075/QĐ-UBND ngày 14/4/2011	11.900.000	11.900.000	11.900.000	0	
52	Vũ Văn Phụng	Số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011	140.000.000	700.000	700.000	0	
53	Nguyễn Xuân Huỳnh Trịnh Thị Phương	Số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011	253.591.481	253.591.481	253.591.481	0	
54	Trịnh Đình Phương Đương Thị Lý	Số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011	749.620.442	522.120.442	504.620.442	-17.500.000	Giảm tiền sử dụng đất 5m ² đất ở tái
55	Hoàng Văn Thân	Số 1268/QĐ-UBND ngày 17/5/2011	7.470.738	7.470.738	7.470.738	0	
56	Lê Xuân Hội Trần Thị Cẩn	Số 1442/QĐ-UBND ngày 16/6/2011	66.664.410	66.664.410	66.664.410	0	
57	Ngô Minh Thu Ngô Thị Cải	Số 1442/QĐ-UBND ngày 16/6/2011	399.529.571	399.529.571	399.529.571	0	
58	Bùi Mạnh Hồng Phan Thị Tình	Số 509/QĐ-UBND ngày 12/3/2013	62.947.769	62.947.769	62.947.769	0	
59	Bùi Văn Phích Trịnh Thị Yên	Số 510/QĐ-UBND ngày 12/3/2013	244.685.304	244.685.304	244.685.304	0	
60	Nguyễn Trung Dũng Mai Thị Phương Chi	Số 710/QĐ-UBND ngày 29/3/2013	27.300.000	27.300.000	27.300.000	0	
61	Hoàng Thị	Số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011	470.025.816	780.008.162	780.008.162	0	

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
61	Phòng	Số 3003/QĐ-UBND ngày 4/11/2013	310.072.646	310.072.646	310.072.646	0	
62	Trần Thị Chiến	Số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011	2.297.071.516	2.765.627.951	2.765.627.951	0	
		Số 3064/QĐ-UBND ngày 12/12/2013	468.556.435				
63	Mai Văn Lai Vũ Thị Nga	Số 1066/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	167.679.837	384.494.777	384.494.777	0	
		Số 2202/QĐ-UBND ngày 20/9/2011	306.190.387				
		Số 3445/QĐ-UBND ngày 23/12/2013	-89.375.447				
64	Trịnh Đình Phương Dương Thị Lý	Số 3446/QĐ-UBND ngày 23/12/2013	58.519.600	58.519.600	58.519.600	0	
65	Nguyễn Văn Năm Nguyễn Thị Thịnh	Số 2387/QĐ-UBND ngày 18/10/2011	1.456.888.062	1.835.959.325	1.835.959.325	0	
		Số 3004/QĐ-UBND ngày 1/11/2013	207.081.263				
		Số 853/QĐ-UBND ngày	171.990.000				
66	Nguyễn Trung Dũng Mai Thị Phương Chi	Số 1202/QĐ-UBND ngày 20/5/2014	48.458.960	48.458.960	48.458.960	0	
67	Mai Văn Lai Vũ Thị Nga	Số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014	14.462.576	14.462.576	14.462.576	0	
68	Mai Văn Đông	Số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014	49.078.465	49.078.465	49.078.465	0	
69	Hoàng Minh Hiền	Số 2366/QĐ-UBND ngày 26/9/2014	59.609.844	59.609.844	59.609.844	0	
70	Hoàng Văn Quang Lê Thị Hoa	Số 2525/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	1.812.150.227	1.812.150.227	1.812.150.227	0	
71	Lê Duy Khánh Nguyễn Thị Tâm	Số 2526/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	634.149.319	634.149.319	634.149.319	0	
72	Bùi Xuân Thụ	Số 2630/QĐ-UBND ngày 06/11/2014	9.900.000	9.900.000	9.900.000	0	

Số TT	Gia đình ảnh hưởng	Quyết định phê duyệt	Giá trị				Lý do
			Theo dự toán	Trong QT A-B	Thẩm tra	Chênh lệch	
73	Mai Văn Lai Vũ Thị Nga	Số 2691/QĐ-UBND ngày 17/11/2014	93.240.000	93.240.000	93.240.000	0	
74	Đỗ Quốc Bẩm Mai Thị Toán	Số 2760/QĐ-UBND ngày 21/7/2015	11.907.000	11.907.000	11.907.000	0	
75	Phạm Thị Bình	Số 3212/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	509.412.877	509.412.877	509.412.877	0	

BẢNG THANH TOÁN CÔNG NỢ

Chi phí GPMB dự án đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư phía Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị hưởng	Nội dung	Số QT	Đã Cấp	Phải trả	Phải thu
	TỔNG CỘNG		12.727.030.431	12.712.124.774	32.405.657	17.500.000
1	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB thị xã Bim Sơn	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC	12.477.480.815	12.494.980.815		17.500.000
2	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB thị xã Bim Sơn	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC	249.549.616	217.143.959	32.405.657	

CHỖ DÁN CHỮ